

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 7 - 2025
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hải Thanh, bà Bùi Thị Thanh Yên.

Thư ký phiên tòa: Bà Hán Thị Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa: Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2025 ngày 16/4/2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc B - sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận *(yêu cầu vắng mặt)*).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận) *(yêu cầu vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ, nguyên đơn – ông Phạm Ngọc B trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 1990, theo giấy chứng nhận ký kết hôn số 15/14/0996 ngày 14/9/1990. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh nhiều sinh mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến sống ly thân từ năm 2022 đến nay; vợ chồng không còn quan tâm nhau, không thể hàn gắn được nữa. Sau khi suy nghĩ kỹ, ông quyết định làm đơn yêu

cầu Tòa giải quyết ly hôn bà T. Nay ông vẫn yêu cầu giải quyết cho ông ly hôn bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung hiện đã trên 18 tuổi, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà xác nhận bà và ông Phạm Ngọc B tự nguyện chung sống từ năm 1990 có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì ông B nghi ngờ bà có người đàn ông khác nên thường xuyên xúc phạm bà rồi bỏ nhà đi sống ly thân đến nay. Do ông B xúc phạm đến lòng tự trọng của bà nên bà không thể hàn gắn; bà thống nhất ly hôn theo yêu cầu ông B.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung hiện đã trên 18 tuổi, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà xây trên diện tích đất cha mẹ chồng cho và 01 thửa đất cha mẹ chồng cho đã được cấp quyền sử dụng. Vợ chồng thống nhất cho con nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật; tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2025, bà T cũng thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến ông Phạm Ngọc B yêu cầu giải quyết ly hôn đối với bà Nguyễn Thị T trú tại thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Khánh Hòa.

[1.2]. Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt, phù hợp khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc B và bà Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Thuận Hải cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15/14/0996 ngày 14/9/1990 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mâu thuẫn: Căn cứ lời khai các bên đều khẳng định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Quá trình vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông B, bà T đã đến lúc trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Ngọc B.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung hiện đã trên 18 tuổi, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Ngọc B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc B.

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Ngọc B được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ cho ông Phạm Ngọc B.

Hoàn trả số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ông Phạm Ngọc B đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0004881 ngày 16/4/2025 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (*Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Khánh Hòa*).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 8 - Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 8 - Khánh Hòa;
- **UBND xã Cà Ná;**
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thúc